



tū yīng
秃鹰

noun · vulture

Example Sentences

Tū yīng zài tiān kōng zhōng pán xuán

秃鹰在天空中盘旋。

The vulture is circling in the sky.

Tū yīng yǐ fǔ ròu wéi shí zài shēng tài xì tǒng zhōng hěn zhòng yào

秃鹰以腐肉为食，在生态系统中很重要。

Vultures feed on carrion and are important in the ecosystem.

Trace each character, then write the word on your own.

秃	秃	秃	秃	秃	秃	秃	秃	秃	秃
鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰
鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰	鹰